

Số: /KH-UBND

Hồng Bàng, ngày tháng năm 2026

KẾ HOẠCH

Thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia tại phường Hồng Bàng năm 2026

I. CĂN CỨ VÀ SỰ CẦN THIẾT

- Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia (Nghị quyết số 57-NQ/TW);

- Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW (Nghị quyết số 71/NQ-CP);

- Kế hoạch hành động số 23-KH/ĐU ngày 29/9/2025 của Đảng ủy phường về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia (Kế hoạch hành động số 23-KH/ĐU);

- Kế hoạch số 358/KH-UBND ngày 31/12/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia (Kế hoạch số 358/KH-UBND);

- Chương trình công tác số 01-Ctr/BCĐ ngày 09/01/2026 của Ban chỉ đạo của Thành ủy Hải Phòng về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số năm 2026 (Chương trình công tác số 01-Ctr/BCĐ);

- Thông báo kết luận số 01-TB/CQTTBCĐ ngày 16/01/2026 của đồng chí Bí thư Thành ủy, Trưởng Ban chỉ đạo phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số thành phố tại Hội nghị tổng kết công tác năm 2025, triển khai nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm năm 2026 của Ban chỉ đạo thành phố (Thông báo kết luận số 01-TB/CQTTBCĐ);

- Kế hoạch số 350/KH-UBND ngày 30/12/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố về Khoa học và Công nghệ thành phố Hải Phòng năm 2026 (Kế hoạch số 350/KH-UBND);

- Kế hoạch số 02-KH/BCĐ ngày 08/01/2026 của Ban chỉ đạo của Đảng ủy phường về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số phường thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW năm 2026 (Kế hoạch số 02-KH/BCĐ).

II. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Tổ chức triển khai đồng bộ, quyết liệt, hiệu quả các chương trình, nhiệm vụ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; tập trung thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ, Kế hoạch số 358/KH-UBND của Ủy ban nhân dân thành phố, Kế hoạch hành động số 23-KH/ĐU ngày 29/9/2025 của Đảng ủy phường, Kế hoạch số 02-KH/BCĐ ngày 08/01/2026 của Ban chỉ đạo của Đảng ủy phường bảo đảm thống nhất về mục tiêu, nội dung và lộ trình triển khai.

- Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện các giải pháp đột phá về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số theo tinh thần Nghị quyết số 57-NQ/TW, Nghị quyết số 71/NQ-CP và Kế hoạch hành động số 23-KH/ĐU; qua đó góp phần hoàn thành các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2026 và giai đoạn 2026-2030 của phường.

- Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của các đơn vị; nâng cao trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân, đặc biệt là người đứng đầu trong triển khai nhiệm vụ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; từng bước hiện thực hóa mục tiêu xác định khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số là đột phá quan trọng hàng đầu, động lực chủ yếu thúc đẩy phát triển nhanh lực lượng sản xuất hiện đại, hoàn thiện quan hệ sản xuất, đổi mới phương thức quản trị, phát triển kinh tế - xã hội phường.

2. Yêu cầu

- Tổ chức triển khai thống nhất, đồng bộ các nhiệm vụ; tăng cường phối hợp liên ngành, giữa các ban, ngành với địa phương và các cơ quan, đơn vị liên quan, bảo đảm triển khai kịp thời, đồng bộ và hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp đề ra.

- Việc cụ thể hóa và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ phải bám sát các mục tiêu, chỉ tiêu, chương trình, kế hoạch của Trung ương, Chính phủ, Ủy ban nhân dân thành phố và Đảng ủy phường; đồng thời phù hợp với các chương trình, kế hoạch của UBND phường và điều kiện, tình hình thực tế của địa phương, bảo đảm hiệu quả trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn.

- Bám sát thực tiễn, kế thừa và phát huy các kết quả đã đạt được, tạo chuyển biến rõ nét và đột phá trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, gắn chặt với việc thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của phường.

- Huy động tối đa các nguồn lực và sự tham gia của cả hệ thống chính trị, người dân và doanh nghiệp trong triển khai các nhiệm vụ phát triển khoa học,

công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; các ngành, đơn vị chủ động, tích cực, phối hợp chặt chẽ, kịp thời trong tổ chức thực hiện.

III. MỤC TIÊU

- 100% cán bộ, công chức có máy tính đáp ứng yêu cầu cấu hình, đảm bảo an toàn, an ninh mạng và có chữ ký số cá nhân để giải quyết công việc trên môi trường điện tử.

- 100% hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường điện tử (trừ hồ sơ thuộc phạm vi bí mật nhà nước) và sử dụng chữ ký số chuyên dùng công vụ để giải quyết công việc.

- 100% hồ sơ, tài liệu công việc phát sinh mới được tạo lập và xử lý trên môi trường điện tử; hoàn thành số hóa tài liệu theo chỉ đạo của Trung ương, thành phố.

- Tối thiểu 90% hồ sơ TTHC được xử lý hoàn toàn trực tuyến, người dân chỉ phải nhập dữ liệu một lần.

- Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC đạt 95%.

- Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin dữ liệu số hóa đạt 95%.

- 100% TTHC đủ điều kiện thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính được tiếp nhận và xử lý tại địa phương.

- 100% thông tin, giấy tờ, tài liệu trong các TTHC liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh chỉ cung cấp một lần cho cơ quan hành chính nhà nước.

- Tỷ lệ hài lòng của người dân, doanh nghiệp khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến đạt trên 95%.

- Bảo đảm nhân lực chuyên trách công nghệ thông tin, chuyển đổi số tại các cơ quan, đơn vị theo quy định; 100% cán bộ, công chức, viên chức được bồi dưỡng kỹ năng số cơ bản gắn với vị trí việc làm.

- Nâng cao hiệu quả công tác đánh giá hiệu quả áp dụng và khả năng mở rộng của sáng kiến; đảm bảo tối thiểu có 10 sáng kiến cấp cơ sở được áp dụng có hiệu quả; có ít nhất 01 sáng kiến đề xuất công nhận cấp thành phố.

- Tăng cường công tác quản lý nhà nước về tiêu chuẩn đo lường chất lượng, tổ chức kiểm tra nhà nước về đo lường đối với ít nhất 02 cơ sở trên địa bàn phường.

- Đảm bảo tỉ lệ chi tối thiểu 3% ngân sách phường cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số.

IV. NỘI DUNG, NHIỆM VỤ

1. Nâng cao nhận thức, đổi mới tư duy, xác định quyết tâm chính trị mạnh mẽ, quyết liệt lãnh đạo, chỉ đạo, tạo xung lực mới, khí thế mới về phát triển KHCN, ĐMST và CDS

1.1. Tiếp tục xây dựng, triển khai chương trình tuyên truyền về Nghị quyết số 57-NQ/TW, Nghị quyết số 71/NQ-CP, Kế hoạch số 358/KH-UBND và Kế hoạch hành động số 23-KH/ĐU; đa dạng hóa hình thức tuyên truyền trên báo chí,

phát thanh, truyền hình, nền tảng số, mạng xã hội và các phương tiện điện tử.

1.2. Cụ thể hóa các nhiệm vụ, giải pháp theo nguyên tắc “*rõ người, rõ việc, rõ thời gian, rõ trách nhiệm, rõ kết quả*”; xác định rõ nguồn lực và lượng hóa mục tiêu, nhiệm vụ, sản phẩm để theo dõi, đánh giá. Người đứng đầu các cơ quan, đơn vị trực tiếp chỉ đạo, chịu trách nhiệm triển khai nhiệm vụ phát triển KHCN, ĐMST và CDS; rà soát tiêu chuẩn chức danh, bố trí phù hợp cán bộ có chuyên môn khoa học, kỹ thuật trong đội ngũ lãnh đạo, quản lý.

1.3. Tiếp tục xây dựng và triển khai chương trình học tập trên nền tảng số, hình thành phong trào “*học tập số*” thường xuyên, phổ cập kiến thức KHCN, ĐMST, kỹ năng số và công nghệ số cơ bản cho cán bộ, công chức và Nhân dân.

1.4. Phát động phong trào thi đua toàn thành phố thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, Nghị quyết số 71/NQ-CP và Kế hoạch hành động số 12-KH/TU; kịp thời biểu dương, khen thưởng các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp, nhà khoa học có thành tích trong chuyển đổi số; khuyến khích phong trào sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, phát minh, sáng chế nâng cao hiệu quả công tác và năng suất lao động.

2. Đẩy mạnh rà soát hoàn thiện thể chế; xoá bỏ quan niệm, rào cản đang cản trở sự phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

2.1. Rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung các cơ chế, chính sách, văn bản thuộc thẩm quyền của phường; đẩy mạnh phân cấp, ủy quyền, cải cách thủ tục hành chính, ứng dụng công nghệ số trong quản lý nhà nước về KHCN, ĐMST và CDS, tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp và các tổ chức liên quan.

2.2. Xây dựng, cập nhật và tổ chức triển khai kế hoạch, chương trình KHCN, ĐMST và CDS năm 2026 phù hợp với quy hoạch, chiến lược phát triển của Thành phố, của phường; xác định danh mục lĩnh vực công nghệ ưu tiên, dự án trọng điểm để tập trung nguồn lực thực hiện.

2.3. Rà soát, sắp xếp tổ chức bộ máy, chức năng, nhiệm vụ các cơ quan, đơn vị; đề xuất cơ chế hỗ trợ nâng cao hiệu quả hoạt động của các tổ chức nghiên cứu khoa học và công nghệ công lập, gắn với nâng cao năng lực quản lý nhà nước về KHCN, ĐMST và CDS.

2.4. Bố trí, lồng ghép nguồn lực ngân sách cho các nhiệm vụ KHCN, ĐMST và CDS năm 2026; tăng cường huy động nguồn lực xã hội hóa.

2.5. Hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo; tăng cường xúc tiến, thu hút đầu tư, ưu tiên mua sắm công đối với sản phẩm, dịch vụ là kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ.

3. Tăng cường đầu tư, hoàn thiện hạ tầng cho KHCN, ĐMST và CDS

3.1. Tổ chức triển khai hiệu quả các cơ chế, chính sách, chương trình, kế hoạch phát triển công nghệ, công nghiệp chiến lược và chuyển đổi số; xây dựng, cập nhật các chương trình chuyển đổi số theo lộ trình trung và dài hạn, gắn với

quy hoạch và chiến lược phát triển hạ tầng số đồng bộ, hiện đại, an toàn.

3.2. Đầu tư, phát triển hạ tầng số, hạ tầng viễn thông, Internet, dữ liệu và năng lượng phục vụ CDS và phát triển KHCN, ĐMST; xây dựng, dùng chung các nền tảng số liên thông, thống nhất; phát triển hạ tầng tiện ích số, hạ tầng viễn thông băng rộng, 5G, hướng tới các thế hệ tiếp theo.

3.3. Đẩy mạnh phát triển kinh tế số, xã hội số và chuyển đổi số các ngành, lĩnh vực; khai thác, kết nối, chia sẻ hiệu quả các cơ sở dữ liệu; thúc đẩy mở dữ liệu và ứng dụng trí tuệ nhân tạo dựa trên dữ liệu lớn trong quản lý nhà nước và các lĩnh vực kinh tế - xã hội.

3.4. Xây dựng và triển khai kế hoạch ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong hành chính công, nghiên cứu khoa học và chuyển đổi số; thúc đẩy ứng dụng AI nhằm nâng cao năng suất lao động, hiệu quả quản lý, hướng tới hình thành xã hội số thông minh.

3.5. Thực hiện nghiêm các quy định về an toàn thông tin, an ninh mạng và bảo vệ dữ liệu cá nhân; tăng cường giám sát, cảnh báo sớm, ứng cứu sự cố; ưu tiên sử dụng sản phẩm, giải pháp an toàn thông tin “Made in Viet Nam”; định kỳ kiểm tra, diễn tập bảo đảm an ninh, an toàn hệ thống thông tin.

4. Phát triển, trọng dụng nhân lực chất lượng cao, nhân tài đáp ứng yêu cầu phát triển KHCN, ĐMST và CDS

4.1. Xây dựng, triển khai các nội dung trọng tâm về đào tạo, bồi dưỡng, thu hút và trọng dụng nhân lực KHCN, ĐMST và CDS, nhất là nhân lực chất lượng cao; đổi mới chương trình, phương pháp đào tạo gắn với nhu cầu thị trường; tăng cường hợp tác đào tạo với doanh nghiệp, viện, trường trong và ngoài nước.

4.2. Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng số, kiến thức KHCN, ĐMST và CDS cho cán bộ, công chức, viên chức; triển khai phong trào “*học tập số*”, “*Bình dân học vụ số*” nhằm phổ cập tri thức số cho người dân.

5. Đẩy mạnh CDS, ứng dụng KHCN, ĐMST trong hoạt động của các cơ quan trong hệ thống chính trị; nâng cao hiệu quả quản trị, hiệu lực quản lý nhà nước trên các lĩnh vực, bảo đảm quốc phòng và an ninh.

5.1. Triển khai hiệu quả chương trình, kế hoạch phát triển Chính phủ số; định kỳ đo lường, công bố kết quả và đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ gắn với kết quả phát triển Chính phủ số.

5.2. Đẩy mạnh ứng dụng KHCN, dữ liệu lớn và trí tuệ nhân tạo trong chỉ đạo, điều hành, hỗ trợ ra quyết định; thực hiện quản trị, điều hành trực tuyến dựa trên dữ liệu; tăng cường giám sát, cảnh báo sớm, phòng chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí; bảo đảm liên thông, đồng bộ, an toàn thông tin trong toàn hệ thống chính trị.

5.3. Nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình; ứng dụng các nền tảng số an toàn, tiện ích, cá nhân hóa dịch vụ cho người dân, doanh

nghiệp; phổ cập các dịch vụ số thiết yếu, tăng cường giải pháp bảo vệ người dân trên không gian mạng, xây dựng niềm tin số.

5.4. Cung cấp thông tin xây dựng hạ tầng dữ liệu dùng chung, tích hợp, liên thông các cơ sở dữ liệu, hạn chế trùng lặp; đẩy mạnh số hóa hồ sơ, xác thực điện tử, chữ ký số; triển khai các nền tảng số thông minh trong các ngành, lĩnh vực, thúc đẩy kinh tế số, xã hội số.

5.5. Đẩy mạnh chuyển đổi số trong các lĩnh vực trọng điểm: văn hóa (phát triển công nghiệp văn hóa, sản phẩm và dữ liệu văn hóa số); xây dựng các hệ thống, nền tảng số phục vụ giám sát môi trường, tài nguyên, giao thông thông minh, ứng phó biến đổi khí hậu.

5.6. Triển khai các nhiệm vụ thúc đẩy phát triển chỉ số đổi mới sáng tạo tại địa phương.

5.7. Triển khai áp dụng hệ thống quản lý chất lượng TCVN ISO 9001:2015 trong thực hiện thủ tục hành chính; Triển khai áp dụng hệ thống quản lý chất lượng TCVN ISO 18091:2020;

5.8. Tăng cường công tác quản lý nhà nước về tiêu chuẩn đo lường chất lượng, đấu tranh ngăn chặn hàng giả, hàng nhái lưu hành trên thị trường.

5.9. Nâng cao chất lượng Hội đồng đánh giá sáng kiến; Xây dựng, chuẩn hóa quy chế đánh giá hiệu quả áp dụng và khả năng nhân rộng của sáng kiến.

5.10. Tăng cường giám sát, bảo đảm an toàn, an ninh mạng; kịp thời phát hiện, ngăn chặn tội phạm mạng, các hành vi lợi dụng không gian mạng; củng cố lực lượng nòng cốt về an toàn, an ninh mạng; ứng dụng công nghệ số, công nghệ quốc phòng mới trong chỉ huy, điều hành, góp phần bảo đảm quốc phòng, an ninh trên không gian mạng.

5.11. Tăng cường liên kết, hợp tác với các địa phương, viện nghiên cứu, trường về chia sẻ kinh nghiệm trong phát triển KHCN, ĐMST và CDS, đào tạo nhân lực, xây dựng và khai thác hạ tầng, nền tảng số dùng chung.

6. Thúc đẩy mạnh mẽ hoạt động KHCN, ĐMST và CDS trong doanh nghiệp

6.1. Hỗ trợ doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp vừa và nhỏ, hộ kinh doanh, hợp tác xã thực hiện CDS, đổi mới quy trình, mô hình kinh doanh; thúc đẩy thương mại hóa sản phẩm sáng tạo, tiêu dùng sản phẩm, dịch vụ số, nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh và quản trị. Khuyến khích doanh nghiệp đầu tư, tham gia xây dựng và vận hành hạ tầng số phục vụ phát triển KHCN, ĐMST và CDS.

6.2. Thúc đẩy tiêu dùng số và kỹ năng số cho người dân, tạo lập niềm tin số; công bố danh mục các bài toán lớn về KHCN, ĐMST và CDS của thành phố để doanh nghiệp tham gia giải quyết.

6.3. Rà soát, lựa chọn các sản phẩm chủ lực, đặc trưng để hỗ trợ đăng ký

sản phẩm OCOP.

6.4. Hướng dẫn, hỗ trợ doanh nghiệp, hộ kinh doanh tham gia “Chương trình thúc đẩy, hỗ trợ người dân, doanh nghiệp, hộ kinh doanh hiện diện trực tuyến tin cậy, an toàn với các dịch vụ số sử dụng tên miền quốc gia.vn” giai đoạn 2025-2026.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Căn cứ Kế hoạch của Ủy ban nhân dân phường và Phụ lục phân công nhiệm vụ (*Gửi kèm Kế hoạch*), thủ trưởng các đơn vị chủ động cụ thể hóa việc triển khai các mục tiêu, nhiệm vụ trọng tâm được xác định trong kế hoạch này; đồng thời xác định các nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số phù hợp với đặc thù từng ngành, xây dựng/điều chỉnh kế hoạch nội bộ cho phù hợp và tổ chức triển khai thực hiện; tổ chức triển khai các nhiệm vụ được giao chủ trì đúng theo tiến độ các nội dung, nhiệm vụ tại kế hoạch này và các kế hoạch về phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, phát triển chính quyền điện tử hướng tới chính quyền số, kinh tế số và xã hội số; tham gia phối hợp thực hiện các nhiệm vụ đảm bảo chất lượng, tiến độ và hiệu quả.

2. Giao phòng Văn hóa - Xã hội

- Chủ trì, tham mưu triển khai hiệu quả các nhiệm vụ, hoạt động về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số trên địa bàn; tổ chức tập huấn và nâng cao hiệu quả hoạt động của các Tổ Công nghệ số cộng đồng; truyền thông nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng số, khả năng tiếp cận và sử dụng dịch vụ công trực tuyến, thanh toán không dùng tiền mặt cho người dân.

- Chủ trì, cùng các đơn vị liên quan theo dõi, đôn đốc, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Kế hoạch; tổng hợp, báo cáo UBND phường theo quy định.

3. Giao Công an phường chủ trì, tham mưu Ủy ban nhân dân phường tăng cường công tác bảo đảm an toàn, an ninh mạng đối với các cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin trên địa bàn theo quy định hiện hành; tuyên truyền nâng cao nhận thức, kỹ năng về an toàn trên không gian mạng cho người dân.

Đề nghị thủ trưởng các đơn vị chủ động nghiên cứu, nghiêm túc tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch này, bảo đảm hiệu quả thiết thực./.

Nơi nhận:

- UBND thành phố (để b/c);
- Sở Khoa học và Công nghệ;
- Thường trực Đảng ủy - HĐND phường;
- CT, các PCT UBND phường;
- UBMTTQVN và các đoàn thể phường;
- Các phòng, đơn vị thuộc phường;
- Lưu: VT, VHXH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Vân Anh

PHỤ LỤC

Phân công nhiệm vụ thực hiện Nghị quyết 57-NQ/TW

(Gửi kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày /02/2026 của Ủy ban nhân dân phường)

STT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Sản phẩm đầu ra	Thời gian thực hiện/ hoàn thành
1	100% cán bộ, công chức có máy tính đáp ứng yêu cầu cấu hình, đảm bảo an toàn, an ninh mạng và có chữ ký số cá nhân để giải quyết công việc trên môi trường điện tử.	Văn phòng HĐND & UBND phường	Các phòng, đơn vị thuộc phường	Báo cáo	12/2026
2	100% hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường điện tử (trừ hồ sơ thuộc phạm vi bí mật nhà nước) và sử dụng chữ ký số chuyên dùng công vụ để giải quyết công việc.	Các phòng, đơn vị		Báo cáo	Thường xuyên
3	100% hồ sơ, tài liệu công việc phát sinh mới được tạo lập và xử lý trên môi trường điện tử; hoàn thành số hóa tài liệu theo chỉ đạo của Trung ương, thành phố.	Phòng Văn hóa - Xã hội	Các phòng, đơn vị thuộc phường	100% công việc được tạo hồ sơ điện tử	Thường xuyên
4	Tối thiểu 90% hồ sơ TTHC được xử lý hoàn toàn trực tuyến, người dân chỉ phải nhập dữ liệu một lần.	Trung tâm Phục vụ Hành chính công	Các phòng, đơn vị thuộc phường	Báo cáo kiểm soát TTHC	Thường xuyên
5	Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC đạt 95%.	Trung tâm Phục vụ Hành chính công	Các phòng, đơn vị thuộc phường	Báo cáo kiểm soát TTHC	Thường xuyên
6	Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin dữ liệu số hóa đạt 95%.	Trung tâm Phục vụ Hành chính công	Các phòng, đơn vị thuộc phường	Báo cáo kiểm soát TTHC	Thường xuyên

7	100% TTHC đủ điều kiện thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính được tiếp nhận và xử lý tại địa phương.	Trung tâm Phục vụ Hành chính công	Các phòng, đơn vị thuộc phường	Báo cáo kiểm soát TTHC	Thường xuyên
8	100% thông tin, giấy tờ, tài liệu trong các TTHC liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh chỉ cung cấp một lần cho cơ quan hành chính nhà nước.	Trung tâm Phục vụ Hành chính công	Các phòng, đơn vị thuộc phường	Báo cáo kiểm soát TTHC	Thường xuyên
9	Tỷ lệ hài lòng của người dân, doanh nghiệp khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến đạt trên 95%.	Trung tâm Phục vụ Hành chính công	Các phòng, đơn vị thuộc phường	Báo cáo kiểm soát TTHC	Thường xuyên
10	Bảo đảm nhân lực chuyên trách công nghệ thông tin, chuyển đổi số tại các cơ quan, đơn vị theo quy định; 100% cán bộ, công chức, viên chức được bồi dưỡng kỹ năng số cơ bản gắn với vị trí việc làm	Phòng Văn hóa - Xã hội	Các phòng, đơn vị thuộc phường	Báo cáo	Tháng 12/2026
11	Nâng cao hiệu quả công tác đánh giá hiệu quả áp dụng và khả năng mở rộng của sáng kiến; đảm bảo tối thiểu có 10 sáng kiến cấp cơ sở được áp dụng có hiệu quả; có ít nhất 01 sáng kiến đề xuất công nhận cấp thành phố.	Phòng Văn hóa - Xã hội	Các phòng, đơn vị thuộc phường	Quyết định Công nhận hiệu quả áp dụng và khả năng mở rộng của sáng kiến	Tháng 11/2026
12	Tăng cường công tác quản lý nhà nước về tiêu chuẩn đo lường chất lượng, tổ chức kiểm tra nhà nước	Phòng Văn hóa - Xã hội	Các phòng, đơn vị thuộc phường	Báo cáo kết quả kiểm tra	Tháng 12/2026

	về đo lường đối với ít nhất 02 cơ sở trên địa bàn phường.				
13	Đảm bảo tỉ lệ chi tối thiểu 3% ngân sách phường cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số.	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị	Các phòng, đơn vị thuộc phường	Báo cáo	Tháng 12/2026